

Số: 49/NQ-HĐND

Mai Sơn, ngày 14 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Nhà nước năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh Sơn La ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 427/TTr-UBND ngày 13/12/2023; Báo cáo số 89/BC-KTXH ngày 05/12/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và thảo luận tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Nhà nước năm 2024 với những nội dung sau:

1. Tổng kế hoạch vốn

Tổng kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Nhà nước năm 2024 là: **123.860,0** triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: **60.982,0** triệu đồng, gồm:
 - + Nguồn vốn bổ sung cân đối được phân cấp: **19.070,0** triệu đồng.
 - + Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (nguồn thu xổ số kiến thiết): **6.362,0** triệu đồng.
 - + Nguồn thu tiền sử dụng đất: **35.550,0** triệu đồng (HĐND huyện giao 75.000 triệu đồng; điều tiết về tỉnh 35.500 triệu đồng; ngân sách huyện: 39.500 triệu đồng, trong đó: dành 3.950,0 triệu đồng thực hiện các nội dung khác như công tác đo đạc, đăng ký đất đai,..., còn lại 35.550 triệu đồng phân bổ thực hiện các dự án đầu tư).
- Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: **62.878,0** triệu đồng, gồm:
 - + Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **45.570,0** triệu đồng;
 - + Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: **17.308,0** triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Nguyên tắc phân bổ vốn

- Thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, các Nghị định hướng dẫn thi hành, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2023-2026. Trong từng nguồn vốn việc phân bổ vốn đảm bảo thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 18/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 02/11/2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh Sơn La ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Phương án phân bổ:

Tổng kế hoạch vốn: **95.385,89** triệu đồng, trong đó:

3.1. Nguồn vốn ngân sách địa phương: 52.637,53 triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp: **18.070,0** triệu đồng.
- + Phân bổ cho các dự án chuyển tiếp: 17.070,0 triệu đồng;
- + Phân bổ cho các dự án khởi công mới: 1.000,0 triệu đồng;
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: **32.457,53** triệu đồng (phân bổ cho các dự án chuyển tiếp).

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM (nguồn thu xổ số kiến thiết): **2.110,0** triệu đồng.

- + Phân bổ cho các dự án chuyển tiếp: 1.610,0 triệu đồng;
- + Phân bổ cho các dự án khởi công mới: 500,0 triệu đồng;

(Chi tiết tại phụ lục II, III, IV kèm theo)

3.2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 42.748,36 triệu đồng, cụ thể:

- + Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 29.404,91 triệu đồng;
- + Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 13.343,45 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục V, V.1, VI kèm theo)

4. Để lại phân bổ chi tiết sau: 28.474,11 triệu đồng

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: **8.344,47** triệu đồng
- + Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp: 1.000,0 triệu đồng.
- + Nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.092,47 triệu đồng.

+ Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (*Nguồn xố số kiến thiết*): 4.252,0 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: **20.129,64** triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 16.165,09 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 3.964,55 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khóa XXI, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Thường trực huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể của huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Cường

Phụ lục I

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024



(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2024 được cấp có thẩm quyền giao	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	273.395,50	123.860,00	123.860,00	
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	273.395,50	60.982,00	60.982,00	
I	Nguồn bổ sung trong cân đối được phân cấp	101.630,00	19.070,00	19.070,00	
1	Các dự án chuyển tiếp			17.070,00	Chi tiết tại phụ lục II
2	Dự án khởi công mới năm 2024			1.000,00	
3	Phân bổ chi tiết sau			1.000,00	Phân bổ sau
II	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	153.595,50	35.550,00	35.550,00	
1	Các dự án chuyển tiếp			32.457,53	Chi tiết tại phụ lục III
2	Phân bổ chi tiết sau			3.092,47	Phân bổ sau
III	Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM (Nguồn xổ số kiến thiết)	18.170,00	6.362,00	6.362,00	Chi tiết tại phụ lục IV
1	Các dự án chuyển tiếp			1.610,00	
2	Dự án khởi công mới năm 2024			500,00	
3	Phân bổ chi tiết sau			4.252,00	Phân bổ sau
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG		62.878,00	62.878,00	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		45.570,00	45.570,00	

STT	 Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2024 được cấp có thẩm quyền giao	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		5.724,00	5.724,00	
1.1	Nội dung 01: Hỗ trợ đất ở			1.000,00	Chi tiết tại phụ lục V
1.3	Phân bổ chi tiết sau			4.724,00	Phân bổ sau
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ đời sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		39.427,00	39.427,00	
2.1	Các dự án chuyển tiếp			11.996,91	Chi tiết tại phụ lục V
2.2	Dự án khởi công mới năm 2024			16.408,00	
2.3	Phân bổ chi tiết sau			11.022,09	Phân bổ sau
3	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		419,00	419,00	Phân bổ sau
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		17.308,00	17.308,00	
1	Các dự án chuyển tiếp			10.298,00	Chi tiết tại phụ lục VI
2	Các dự án khởi công mới năm 2024			3.045,45	
3	Phân bổ chi tiết sau			3.964,55	Phân bổ sau

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Lũy kế kế hoạch vốn đã phân bổ đến hết năm 2023 (nguồn bổ sung cân đối được phân cấp)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp			
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ					90.638,74	44.091,92	90.638,74	42.865,18	11.751,62	18.070,00	
I	Dự án chuyển tiếp					83.338,74	37.156,92	83.338,74	37.130,18	11.751,62	17.070,00	
*	Văn hóa					33.698,82	12.786,00	33.698,82	12.786,26	268,74	7.599,87	
1	Nhà Văn hoá xã Chiềng Mai	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Mai	2022-2024	3154-29/10/2021	3.698,82	900,00	3.698,82	900,00	137,29	762,71	
2	Hội trường trung tâm Chính trị - Hành Chính huyện Mai Sơn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Thị trấn Hát Lót	2022-2024	1152-31/5/2022	30.000,00	11.886,00	30.000,00	11.886,26	131,45	6.837,16	
*	Giao thông					17.139,92	17.139,92	17.139,92	17.139,92	9.114,56	4.535,44	
1	Điểm đầu nối tuyến nhánh QL37 với đường QL6 cũ tại tiểu khu 3, xã Cò Nòi	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Xã Cò Nòi	2021-2024	1173-28/5/2021	2.250,00	2.250,00	2.250,00	2.250,00	44,00	2.206,00	
2	Đường giao thông Cò Nòi (bản Nhập)- Chiềng Lương (bản Lù), huyện Mai Sơn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Lương	2023-2025	2557-18/10/2022	14.889,92	14.889,92	14.889,92	14.889,92	9.070,56	2.329,44	
*	Công trình công cộng tại đô thị					6.000,00	2.890,00	6.000,00	2.890,00	1.356,12	1.533,88	

TT	 Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Lũy kế kế hoạch vốn đã phân bổ đến hết năm 2023 (nguồn bổ sung cân đối được phân cấp)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp			
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp					
1	Khuôn viên cây xanh tiểu khu 4 thị trấn Hát Lót	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Thị trấn Hát Lót	2023-2024	828-6/5/2023	6.000,00	2.890,00	6.000,00	2.890,00	1.356,12	1.533,88	
*	Các dự án khác					26.500,00	4.341,00	26.500,00	4.314,00	1.012,19	3.400,81	
1	Khu Tái định cư di tích lịch sử ngã 3 cò Nồi	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Xã Cò Nồi	2022-2024	1221-13/6/2022	8.500,00	2.341,00	8.500,00	2.314,00	205,76	2.207,24	
2	Khu dân cư xã Chiềng Mai	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Mai	2022-2024	1088-19/5/2022	18.000,00	2.000,00	18.000,00	2.000,00	806,43	1.193,57	
II	Dự án khởi công mới năm 2024					7.300,00	6.935,00	7.300,00	5.735,00	-	1.000,00	-
*	Giáo dục					7.300,00	6.935,00	7.300,00	5.735,00	-	1.000,00	
1	Trường TH - THCS Tô Hiệu; Hạng mục: NLH 2 tầng 10 phòng	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Thị trấn Hát Lót	2024-2026	3804-24/11/2023	7.300,00	6.935,00	7.300,00	5.735,00		1.000,00	

Handwritten signature

Phụ lục III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	 Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Lũy kế kế hoạch vốn đã phân bổ đến hết năm 2023 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Nguồn thu tiền sử dụng đất
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Nguồn thu tiền sử dụng đất					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	18	20	24
	TỔNG SỐ					236.290,00	233.877,00	220.834,28	104.882,50	72.424,97	32.457,53	
1	Dự án chuyển tiếp					236.290,00	233.877,00	220.834,28	104.882,50	72.424,97	32.457,53	-
*	Trụ sở cơ quan nhà nước					185.590,00	185.590,00	170.134,28	58.595,50	54.049,89	4.545,61	
1	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	TT Hát Lót	2019-2024	1751-16/08/2018	185.590,00	185.590,00	170.134,28	58.595,50	54.049,89	4.545,61	
*	Các dự án khác					50.700,00	48.287,00	50.700,00	46.287,00	18.375,08	27.911,92	
1	Khu dân cư tiểu khu 26/3 xã Cò Nòi	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Cò Nòi	2021-2024	2117-10/8/2021	12.700,00	12.700,00	12.700,00	12.700,00	9.825,40	2.874,61	
2	Khu TĐC cư dự án Trung tâm chính trị - hành chính huyện và các dự án khác	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	TT Hát Lót	2021-2024	2298-28/8/2021	11.500,00	11.500,00	11.500,00	11.500,00	7.544,18	3.955,82	
3	Khu Tái định cư di tích lịch sử ngã 3 cò Nòi	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Cò Nòi	2022-2024	1221-13/6/2022	8.500,00	6.087,00	8.500,00	6.087,00	500,00	5.587,00	
4	Khu dân cư xã Chiềng Mai	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Mai	2022-2024	1088-19-5-2022	18.000,00	18.000,00	18.000,00	16.000,00	505,50	15.494,50	

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NGÂN SÁCH TỈNH
HỖ TRỢ THỰC HIỆN CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế kế hoạch vốn đã phân bổ đến hết năm 2023 (Nguồn xổ sổ kiến thiết ngân sách tỉnh)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng tất cả các nguồn vốn				Nguồn xổ sổ kiến thiết ngân sách tỉnh
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ					15.991,00	6.740,00	3.130,00	2.110,00	
I	Dự án chuyển tiếp					14.030,00	5.740,00	3.130,00	1.610,00	-
*	Giáo dục					4.500,00	1.000,00	500,00	300,00	
1	Trường Mầm non Nà Bó 4 phòng học	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Nà Bó	2023-2025	1082-16/6/2023	4.500,00	1.000,00	500,00	300,00	
*	Giao thông					9.530,00	4.740,00	2.630,00	1.310,00	
1	Đường giao thông đến bản Rừng Thông, xã Mường Bon	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Mường Bon	2023-2025	1069-16/6/2023	4.620,00	1.700,00	1.110,00	390,00	
2	Rãnh thoát nước dọc tuyến đường trung tâm xã	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Ban	2023-2025	1075-16/6/2023	2.700,00	1.540,00	770,00	470,00	
3	Đường nội bản Cang Mường - Nong Ten	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Mường Chanh	2023-2025	1070-16/6/2023	2.210,00	1.500,00	750,00	450,00	
II	Dự án khởi công mới năm 2024					1.961,00	1.000,00	-	500,00	
*	Giao thông					1.961,00	1.000,00	-	500,00	
1	Đường giao thông đến bản Thống Nhất	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Mường Bon	2024-2025	3765 10/11/2023	1.961,0	1.000,0		500,0	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2023 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					54.168,12	50.808,39	10.140,41	29.404,91	
A	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP					23.988,13	22.137,32	10.140,41	11.996,91	
I	Dự án 04: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc					23.988,13	22.137,32	10.140,41	11.996,91	-
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn					18.988,13	17.137,32	8.976,41	8.160,91	-
*	Văn hóa					3.698,82	2.613,82	-	2.613,82	
1.1	Nhà Văn hoá xã Chiềng Mai	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Mai	2022-2023	3154-29/10/2021	3.698,82	2.613,82	-	2.613,82	
*	Giao thông					1.969,31	1.869,50	1.330,00	539,50	
1.2	Công trình Cầu treo qua suối Nà Nhụng, bản Nà Nhụng, xã Phiêng Pản	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Phiêng Pản	2023-2024	1072-16/6/2023	1.969,31	1.869,50	1.330,00	539,50	

TT	 Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2023 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
						Tổng tất cả các nguồn vốn				Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
*	Công nghiệp					13.320,00	12.654,00	7.646,41	5.007,59	
1.3	Công trình nâng cấp điện không an toàn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Một số xã vùng III	2023-2024	1077 - 16/6/2023	13.320,00	12.654,00	7.646,41	5.007,59	
2	Cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi					5.000,00	5.000,00	1.164,00	3.836,00	-
*	Thương mại					5.000,00	5.000,00	1.164,00	3.836,00	
2.1	Công trình đầu tư chợ xã Phiêng Cầm huyện Mai Sơn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC				5.000,00	5.000,00	1.164,00	3.836,00	
B	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024					30.179,99	28.671,08	-	17.408,00	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					-	-	-	1.000,00	
1	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở					-	-	-	1.000,00	
1.1	Nội dung 01: Hỗ trợ đất ở								1.000,00	Chi tiết tại phụ lục VI.1
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc				2	30.179,99	28.671,08	-	16.408,00	-

TT	 Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2023 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn					24.479,99	23.256,04	-	13.127,50
*	Văn hóa					8.400,00	7.980,00	-	4.050,00
1.1	Công trình nhà văn hóa bản Lọng Nghịu, Phiêng Cầm	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Phiêng Cầm	2024-2025	3795 ngày 24/11/2023	1.000,00	950,00		475,00
1.2	Công trình nhà Văn hóa bản Mòng, xã Tà Hộc;	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Tà Hộc	2024-2025	3790 ngày 24/11/2023	1.000,00	950,00		475,00
1.3	Công trình Nhà Văn hóa xã Chiềng Ve	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Ve	2024-2025	3784 ngày 23/11/2023	2.400,00	2.280,00		1.200,00
1.4	Công trình Nhà văn hóa bản Sươn Mè, xã Chiềng Ve	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Ve	2024-2025	3783 ngày 23/11/2023	1.000,00	950,00		475,00
1.5	Công trình Nhà Văn hóa bản Co Sâu, xã Chiềng Mai	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Mai	2024-2025	3782 ngày 23/11/2023	1.000,00	950,00		475,00
1.6	Công trình nhà văn hóa bản Lọ Dên, xã Nà Ốt	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Nà Ốt	2024-2025	3796 ngày 24/11/2023	1.000,00	950,00		475,00
1.7	Công trình Nhà Văn hóa bản Nà Pồng - Pá Po, Phiêng Păn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Phiêng Păn	2024-2025	3792 ngày 24/11/2023	1.000,00	950,00		475,00
*	Giao thông					15.019,99	14.271,04	-	8.575,00

TT	 Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2023 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			
1.8	Từ đường liên xã (Hát Lót - Chiềng Mai) đến bản Puồn Vạy, xã Chiềng Mai	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Mai	2024-2025	3814 ngày 27/11/2023	2.419,99	2.298,99		1.600,00	
1.9	Đường nội bản bản Nghịu Cọ xã Chiềng Dong	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Dong	2024-2025	3818 ngày 28/11/2023	1.000,00	950,00		475,00	
1.10	Đường giao thông liên bản Nà Viên đi bản Păng Săng, xã Chiềng Kheo	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Kheo	2024-2025	3739 ngày 17/11/2023	2.400,00	2.281,17		1.200,00	
1.11	Công trình Cầu qua suối bản Buốt Vần, xã Chiềng Kheo	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Kheo	2024-2025	3773 ngày 22/11/2023	2.500,00	2.375,88		1.500,00	
1.12	Công trình Đường giao thông từ QL4G - bản Lọ Dên (Huổi Dên), xã Nà Ốt	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Nà Ốt	2024-2025	3807 ngày 24/11/2023	3.500,00	3.325,00		1.800,00	
1.13	Công trình Đường nội bản Pá Liềng, xã Phiềng Păn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Phiềng Păn	2024-2025	3808 ngày 24/11/2023	3.200,00	3.040,00		2.000,00	
*	Thủy lợi					1.060,00	1.005,00	-	502,50	
1.14	Công trình Thủy lợi bản Cuộm Sơn, Dăm Hoa, xã Chiềng Mai	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Mai	2024-2025	3798 ngày 24/11/2023	1.060,00	1.005,00		502,50	
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn bản đặc biệt khó khăn					5.700,00	5.415,04	-	3.280,50	
*	Văn hóa					3.000,00	2.850,00	-	1.425,00	

TT	 Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2023 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			
2.1	Công trình nhà văn hóa bản Ít Hồ	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2024-2025	3789 ngày 23/11/2023	1.000,00	950,00		475,00	
2.2	Công trình Nhà Văn Hóa bản Yên Bình (cầu đường), Chiềng Chăn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2024-2025	3788 ngày 23/11/2023	1.000,00	950,00		475,00	
2.3	Công trình Nhà Văn hóa Bản Tong Tãi B, Chiềng Chăn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2024-2025	3797 ngày 24/11/2023	1.000,00	950,00		475,00	
*	Giao thông					2.700,00	2.565,04	-	1.855,50	
2.4	Công trình Đường nội bản bản Yên Bình (cầu đường), Chiềng Chăn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2024-2025	3819 ngày 28/11/2023	600,00	570,00		570,00	
2.5	Công trình đường giao thông nội Bản Nong Mòn, Cò Nòi	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Cò Nòi	2024-2025	3820 ngày 28/11/2023	600,00	570,00		570,00	
2.6	Công trình Đường bản Mé đến bản Xam Ta, Chiềng Chung	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2024-2025	3802 ngày 24/11/2023	1.500,00	1.425,04		715,50	

Phụ lục V.1

Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT		Số hộ thụ hưởng	Vốn thực hiện năm 2024				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Tổng số các nguồn vốn	NSTW	NSDP (Ngân sách huyện)	Vốn khác		
1	Xã Chiềng Nọi	4	160,0	160,0			UBND xã Chiềng Nọi	
2	Xã Chiềng Ve	15	600,0	600,0			UBND xã Chiềng Ve	
3	Xã Chiềng Lương	4	160,0	160,0			UBND xã Chiềng Lương	
4	Xã Tà Hộc	2	80,0	80,0			UBND xã Tà Hộc	
	Tổng cộng	25	1.000,0	1.000,0	-			

1
Phụ lục VI

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2023 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ					54.213,94	43.927,42	18.914,00	13.343,45	
I	Dự án chuyển tiếp					45.141,94	36.711,97	18.914,00	10.298,00	
*	Văn hóa					12.200,00	11.150,00	6.246,00	3.604,00	
1	Nhà văn hóa xã Mường Bằng	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Mường Bằng	2023-2025	1035-13/6/2023	2.400,00	2.160,00	1.751,00	209,00	
2	Nhà văn hóa xã Chiềng Chăn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2023-2025	1033-13/6/2023	2.400,00	2.160,00	1.080,00	580,00	
3	Nhà văn hóa bản Kiếng, xã Chiềng Chăn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2023-2025	1037-13/6/2023	1.000,00	900,00	450,00	450,00	
4	Nhà văn hóa bản Sàng Nà Tre	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Ban	2023-2025	1025-12/6/2023	1.000,00	900,00	450,00	450,00	
5	Nhà văn hóa thôn Tiên Phong	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Hát Lót	2023-2025	1026-12/6/2023	1.000,00	900,00	450,00	450,00	

TT		Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2023 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			
6	Nhà văn hóa tiểu khu Nà Sản	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Hát Lót	2023-2025	1028-12/6/2023	1.000,00	900,00	450,00	450,00	
7	Nhà Văn hóa xã Chiềng Chung	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2023-2025	1034-13/6/2023	2.400,00	2.280,00	1.140,00	540,00	
8	Nhà văn hóa bản Hạm	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2023-2025	1038-13/6/2023	1.000,00	950,00	475,00	475,00	
*	Giáo dục					10.500,00	8.750,00	2.667,00	2.583,00	-
1	Trường mầm non Chiềng Chung. Hạng mục: Nhà lớp học 6 phòng điểm trung tâm (bản Nghị)	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2023-2025	1076-16/6/2023	6.000,00	5.700,00	2.167,00	1.533,00	
2	Trường Mầm non Nà Bó 4 phòng học	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Nà Bó	2023-2025	1082-16/6/2023	4.500,00	3.050,00	500,00	1.050,00	
*	Giao thông					10.801,94	6.185,37	3.059,00	2.226,00	
1	Đường Chiềng Chăn - Chiềng Sung	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2023-2025	1064-15/6/2023	1.120,00	1.008,17	504,00	504,00	
2	Đường nội đồng bản Nà Hường	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Nà Bó	2023-2025	1074-16/6/2023	1.400,00	760,00	380,00	380,00	
3	Rãnh thoát nước dọc tuyến đường trung tâm xã	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Ban	2023-2025	1075-16/6/2023	2.700,00	890,00	445,00	445,00	

TT	 Đánh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2023 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
						Tổng tất cả các nguồn vốn				Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
4	Đường đến bản Nhất Bó Lạnh đi bản Phát Nam (đường từ bản Thống Nhất cũ đi bản Phát cũ)	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Sung	2023-2025	1067-15/6/2023	3.371,94	3.038,20	1.485,00	653,00	
5	Đường nội bản Cang Mường - Nong Ten	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Mường Chanh	2023-2025	1070-16/6/2023	2.210,00	489,00	245,00	244,00	
*	Công nghiệp					11.640,00	10.626,60	6.942,00	1.885,00	
1	Công trình điện cho các hộ sử dụng không an toàn tại các xã	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	4 Xã	2022-2025	2491-21/11/2023	9.300,00	8.520,60	5.771,00	1.450,00	
2	Kênh thoát lũ từ khu đô thị sang suối cận bản Cò Nòi, xã Cò Nòi	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Cò Nòi	2023-2025	1068-16/6/2023	2.340,00	2.106,00	1.171,00	435,00	
II	Dự án khởi công mới năm 2024					9.072,00	7.215,45	-	3.045,45	
*	Văn hóa					1.000,00	950,00	-	500,00	
	Nhà văn hóa bản Mây xã Chiềng Chung	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2024-2025	3799 ngày 24/11/2023	1.000,00	950,00		500,00	
*	Giao thông					6.672,00	5.005,60	-	1.885,60	
1	Đường giao thông đến bản Thống Nhất	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Mường Bon	2024-2025	3675 ngày 10/11/2023	1.961,00	765,04		465,04	Lồng ghép vốn ngân sách tỉnh 1.000 triệu đồng

TT	 Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2023 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới)	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
						Tổng tất cả các nguồn vốn				Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
2	Đường nội bản bản Phường	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2024-2025	3803 ngày 24/11	2.951,00	2.657,04	628,04		
3	Đường nội bản bản Hùn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2024-2025	3806 ngày 24/11/2023	1.760,00	1.583,52	792,52		
*	Cấp, thoát nước					1.400,00	1.259,85	-	659,85	
1	Rãnh thoát nước bản Phiêng Khoài Tong Chính	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Ban	2024-2025	3793 ngày 24/11/2023	700,00	629,91	329,91		
2	Rãnh thoát nước bản Mai Khoang	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Ban	2024-2025	3794 ngày 24/11/2023	700,00	629,94	329,94		